

Số: 2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 8 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4040/TTr-SNN ngày 03 tháng 8 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Triển khai Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết kèm theo).

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và cá nhân liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, THNC, Công TTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN <sup>lưu</sup>

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



Người ký: Hội đồng nhân dân  
tỉnh Đồng Nai  
Email: hndn@dongnai.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai  
Thời gian ký: 08.07.2022  
20:27:40 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 7 năm 2022

## **NGHỊ QUYẾT**

**Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách  
nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm:

1. Dịch vụ lĩnh vực thủy sản
2. Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi
3. Dịch vụ lĩnh vực thú y
4. Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
5. Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp
6. Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
7. Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng

8. Dịch vụ lĩnh vực nông nghiệp khác, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

(Phụ lục danh mục chi tiết kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 7 năm 2022. /s/

### **Nơi nhận**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ (A+B);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, CCTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐND.



**CHỦ TỊCH**

**Thái Bảo**



## PHỤ LỤC

**Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước  
thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
<b>I</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực thủy sản</b>
1	Điều tra lĩnh vực thủy sản
2	Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản.
3	Hoạt động khảo nghiệm xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản
<b>II</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi</b>
1	Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi
2	Đánh giá, giám sát chất lượng thức ăn chăn nuôi
3	Đánh giá, giám sát quy trình sản xuất của cơ sở chăn nuôi
4	Bảo tồn nguồn gen giống vật nuôi
5	Điều tra, thống kê thông tin lĩnh vực chăn nuôi
6	Điều tra lĩnh vực chăn nuôi
<b>III</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực thú y</b>
1	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho nhân viên chăn nuôi, thú y cấp xã và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh
2	Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi, thú y theo quy định của pháp luật
3	Phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, xúc tiến thương mại về chăn nuôi, thú y theo quy định; nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về chăn nuôi, thú y; thẩm định chuyên ngành các chương trình, dự án về chăn nuôi, thú y trên địa bàn theo quy định của pháp luật
4	Đánh giá cơ sở an toàn dịch bệnh cấp xã; vùng an toàn dịch bệnh
5	Thẩm định cơ sở an toàn dịch bệnh cấp xã; vùng an toàn dịch bệnh
6	Chẩn đoán thú y
<b>IV</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</b>

1	Điều tra, thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu về lĩnh vực trồng trọt
2	Điều tra, thống kê, dự báo và cảnh báo lĩnh vực bảo vệ thực vật
3	Thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra.
4	Điều tra và giám sát sinh vật gây hại trên giống cây trồng mới nhập khẩu tại địa điểm gieo trồng tại địa phương
5	Giám sát xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bảo quản tại địa phương
6	Tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và kiến thức về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; phòng chống dịch hại cây trồng
7	Tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ và kiểm dịch thực vật cho lực lượng cộng tác viên bảo vệ thực vật cấp xã
<b>V</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp</b>
1	Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng
2	Khoán bảo vệ rừng
3	Điều tra, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng
4	Bảo tồn, cứu hộ, bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
5	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng và cải tạo rừng tự nhiên trồng mới rừng, trồng lại rừng, chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng
6	Định giá rừng, khung giá rừng
<b>VI</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai</b>
1	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
2	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông
3	Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
4	Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
5	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
6	Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai nước sạch nông thôn
7	Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai

8	Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về thủy lợi, phòng chống thiên tai.
9	Tuyên truyền, nâng cao kiến thức phòng, chống thiên tai, giảm nhẹ thiên tai; đào tạo, tập huấn, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
10	Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo lũ sớm trên lưu vực các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phục vụ công tác phòng, chống thiên tai
11	Khảo sát, nghiên cứu, đánh giá tác động dòng chảy và độ mặn, phèn trên các sông suối; đo đạc dòng chảy mùa khô tại một số sông, suối nhỏ
<b>VII</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng</b>
1	Điều tra lĩnh vực quản lý chất lượng
2	Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm
3	Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về an toàn thực phẩm.
<b>VIII</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực nông nghiệp khác, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn</b>
1	<b>Dịch vụ lĩnh vực nông nghiệp khác</b>
1.1	Thống kê các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp
1.2	Xây dựng, biên soạn tài liệu, đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ khuyến nông, chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản cho cán bộ kỹ thuật cơ sở, cộng tác viên và nông dân
1.3	Tư vấn chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn
1.4	Hướng dẫn, tư vấn thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm
1.5	Dịch vụ thông tin tuyên truyền về khuyến nông theo quy định của pháp luật
1.6	Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội trợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông
1.7	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn theo phân công
1.8	Xây dựng và trình diễn các mô hình: Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững và các mô hình điển hình sản xuất tiên tiến nhân ra diện rộng của các chương trình, đề án, dự án
1.9	Tuyên truyền, tư vấn tập huấn những tiến bộ KHKT mới, chính sách, pháp luật, truyền nghề về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chuyển giao các tiến bộ KHKT về sản xuất thuộc các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và PTNT
1.10	Hợp tác quốc tế về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư

1.11	Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản
1.12	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
<b>2</b>	<b>Dịch vụ lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn</b>
2.1	Dịch vụ truyền thông, phổ biến, giáo dục, vận động, hướng dẫn nhân dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn tại địa phương
2.2	Thu thập, xây dựng, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
2.3	Hợp tác quốc tế, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật